

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Trình độ đào tạo: Đại học    Ngành: Kế toán    Mã số: 7340301**

### ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

#### 1. Thông tin chung

<b>1.1. Tên học phần: Kinh tế phát triển</b>	<b>1.2. Tên tiếng Anh: Development economics</b>
<b>1.3. Mã học phần: KTKTPT.006</b>	<b>1.4. Số tín chỉ: 03</b>
<b>1.5. Phân bố thời gian:</b>	
- Lý thuyết:	45 LT
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	0
- Tự học:	90 tiết
<b>1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:</b>	
- Giảng viên phụ trách chính:	Th.S Nguyễn Thị Kim Phụng
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Các giảng viên được sự phân công của Bộ môn
<b>1.7. Điều kiện tham gia học phần:</b>	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không có
- Học phần song hành:	Không có

#### 2. Mục tiêu

##### 2.1. Mục tiêu chung

Học phần cung cấp các kiến thức về kinh tế học phát triển trong điều kiện cụ thể của các nước đang phát triển, tổng kết và nghiên cứu những cách thức để tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững với mục đích chuyển nền kinh tế từ trình độ phát triển thấp lên trình độ phát triển cao hơn gắn với sự công bằng xã hội. Học phần đề cập nội dung phân tích ba khía cạnh cơ bản của phát triển kinh tế là tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; các nguồn lực cho tăng trưởng và phát triển; chiến lược và sách lược phát triển kinh tế của các nước đang phát triển. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ có kỹ năng tự nghiên cứu; phối hợp làm việc nhóm trong tìm kiếm thông tin liên quan đến môn học; chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc của mình.

##### 2.2. Mục tiêu cụ thể

### 2.2.1. Về kiến thức

- Có khả năng tổng hợp được khối kiến thức về tăng trưởng, phát triển kinh tế, nguồn lực trong quá trình phát triển và công cụ đo lường trong nền kinh tế.
- Có kiến thức chuyên sâu để đánh giá sự tác động của các chính sách kinh tế tới sự phát triển kinh tế của các doanh nghiệp trong ngành.
- Phân tích được những thay đổi trong phát triển kinh tế xã hội để xây dựng giải pháp của doanh nghiệp trong từng ngành, từng lĩnh vực cụ thể.

### 2.2.2. Về kỹ năng

- Có khả năng vận dụng được khối kiến thức về tăng trưởng, phát triển, nguồn lực trong quá trình phát triển có ảnh hưởng đến doanh nghiệp và trong các tình huống cụ thể.
- Có kiến thức chuyên sâu và sử dụng thành thạo các phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế cơ bản, kỹ năng phân tích và giải quyết các vấn đề trong phát triển kinh tế ở Việt Nam.

### 2.2.3. Về thái độ

- Tham dự giờ giảng đầy đủ, nghe giảng, tự học, tự nghiên cứu tài liệu bắt buộc và tham khảo để vận dụng kiến thức nhằm làm bài tập và thảo luận theo nhóm có hiệu quả.
- Có ý thức tự học để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

## 3. Chuẩn đầu ra (CLO)

### Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật vào những hoạt động kinh tế
CLO2	Tổng hợp được những công cụ đo lường về tăng trưởng, phát triển kinh tế, bất bình đẳng và tổng hợp dữ liệu thống kê ngành kinh tế
CLO3	Hệ thống hóa và lựa chọn nguồn lực trong quá trình phát triển kinh tế tại các nước đang phát triển.
CLO4	Sử dụng các chỉ tiêu để kiểm tra, đánh giá và phân tích xu hướng phát triển của quốc gia có ảnh hưởng đến doanh nghiệp.
CLO5	Phân tích mối liên hệ giữa sự phát triển kinh tế của quốc gia với phúc lợi xã hội và làm việc theo nhóm hiệu quả.

## 4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

PLO	(1 )	(2 )	(3 )	(4 )	(5 )	(6 )	(7 )	(8 )	(9 )	(10 )	(11 )	(12 )
CLO 1	I	I										I
CLO 2		M		I		R	R		I		I	
CLO 3		I							I			
CLO 4				I		R	M				I	I
CLO 5							R	I	R		I	R
Tổng hợp học phần	I	M		I		R	M	I	I		I	R

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.*

## 5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	10%			X	CLO5	<i>Đánh giá theo Rubric 1</i>
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	30%	A2.1. Tuần 5: Chương 1 và chương 2	30%	X	CLO 1, CLO 2	<i>Đánh giá theo Rubric 3; kiểm tra viết theo thang điểm 10</i> <i>Đánh giá theo Rubric 4; kiểm tra viết theo thang điểm 10</i>
		A2.2. Tuần 10: Chương 3 và chương 4	30%	X	CLO 3, CLO 4	
		A2.3. Tuần 15: Chương 4 tiếp theo và Chương 5	40%	X	CLO 5	
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: Viết hoặc vấn đáp		X	CLO 1 CLO 3 CLO 5	<i>Theo bài kiểm tra viết thang điểm 10 hoặc Rubric 5</i>

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

**b. Yêu cầu đối với học phần:** Sinh viên phải tham dự  $\geq 80\%$  số buổi của HP. Nếu nghỉ  $> 20\%$  số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

## 6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (3 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 2 số)	Số tiết (LT, BT/ TH/ TT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CĐR nào ở bảng 1	PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1: Lý thuyết về tăng trưởng và phát triển kinh tế 1.1. Tăng trưởng kinh tế	2 LT 1BT	1.1. Nắm được khái niệm tăng trưởng và mô hình tăng trưởng kinh tế	CLO 1 CLO2	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phân chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]), có thể đọc thêm các tài liệu [1], [2], [3], [4], [5]. - Phân chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi	
2	Chương 1: Lý thuyết về tăng trưởng và phát triển kinh tế 1.2. Phát triển kinh tế	2 LT 1BT	1.2. Nắm được những nội dung cơ bản trong phát triển kinh tế	CLO 1 CLO2			

3	Chương 2: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế 2.1. Cơ cấu ngành kinh tế 2.2. Các mô hình lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu ngành	2 LT 1BT	2.1. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến cơ cấu ngành kinh tế 2.2. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến các mô hình lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu ngành	CLO 2 CLO 3	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 2) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
4	Chương 2: Tiếp theo 2.2. Các mô hình lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu ngành	2 LT 1 BT	2.2. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến các mô hình lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu ngành	CLO1 CLO2 CLO3	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 2) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
5	Chương 2: Tiếp theo 2.3. Chuyển dịch cơ cấu trong quá trình	2LT 1BT	2.3. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến chuyển dịch cơ cấu trong quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam	CLO1 CLO2 CLO3			A2.1

	phát triển kinh tế ở Việt Nam						
6	Chương 3: Các nguồn lực phát triển kinh tế 3.1. Nguồn lao động	3LT	3.1. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến nguồn lao động	CLO 3 CLO 4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 3) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
7	Chương 3: Tiếp theo 3.2. Nguồn vốn	2 LT 1BT	3.2. Nắm được những nội dung cơ bản về nguồn vốn và nguồn gốc hình thành vốn trong nền kinh tế	CLO 2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 3) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A2.1
8	Chương 3: Tiếp theo	2 LT 1 BT	3.3. Nắm vững và vận dụng được các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên	CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 3) (tài liệu [1]) có	

	3.3. Tài nguyên thiên nhiên				projector để hướng dẫn	thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
9	Chương 3: Tiếp theo 3.4. Công nghệ	2 LT 1 BT	3.4. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến công nghệ trong quá trình phát triển kinh tế	CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 3) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
10	Chương 4: Chính sách phát triển kinh tế 4.1. Ngoại thương	2 LT 1 BT	4.1. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến ngoại thương trong quá trình phát triển kinh tế	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].	A2.2



						- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
11	Chương 4: Tiếp theo 4.2. Nông nghiệp	2 LT 1 BT	4.2. Nắm vững và vận dụng được các nội dung về nông nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế	CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
12	Chương 4: Tiếp theo 4.3. Công nghiệp	3 LT	4.3. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến công nghiệp	CLO3 CLO5	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A2.2

13	Chương 5: Tăng trưởng kinh tế và các vấn đề xã hội 5.1. Phát triển và phúc lợi cho con người	3 LT	5.1. Nắm được những nội dung cơ bản về phát triển và phúc lợi cho con người	CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 5) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi	
14	Chương 5: Tiếp theo 5.2. Bất bình đẳng	3 LT	5.2. Nắm vững và vận dụng được các phương pháp đo lường bất bình đẳng	CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 5) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
15	Chương 5: Tiếp theo 5.3. Dân số và phát triển	3 LT	5.3. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến dân số và phát triển dân số với phát triển kinh tế	CLO3 CLO5	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 5) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].	A2.3

						- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kì						A3

**(\*) Ghi chú:**

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án .....); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

## 7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
<b>Giáo trình chính</b>				
1	Nguyễn Thị Kim Phụng	2021	<i>Bài giảng Kinh tế phát triển</i>	Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình.
<b>Sách, giáo trình tham khảo</b>				
2	PGS. TS. Vũ Thị Ngọc Phùng	2005	<i>Giáo trình Kinh tế phát triển</i>	NXB Lao động – Xã hội
3	PGS. TS. Phạm Ngọc Linh, TS. Nguyễn Thị Kim Dung	2011	<i>Giáo trình Kinh tế phát triển</i>	NXB Đại học kinh tế quốc dân
4	Nguyễn Thị Thúy Hồng	2008	<i>Kinh tế các nước Asian</i>	NXB Giáo dục.
5	Viện Kinh tế	2019	<i>Giáo trình kinh tế học phát triển</i>	NXB Chính trị - Hành chính Hà Nội.

## 8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	<b>Giảng đường A</b>	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 1</i>
2	<b>Giảng đường A</b>	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 2</i>
3	<b>Giảng đường A</b>	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 3</i>
4	<b>Giảng đường A</b>	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 4</i>
5	<b>Giảng đường A</b>	<i>Projector, máy tính cá nhân</i>	1	<i>Chương 5</i>

## 9. Rubric đánh giá

**Đánh giá chuyên cần (Attendance Check): Rubric 1**

**Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>=90 %).	<b>50%</b>
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	<b>50%</b>

**Đánh giá bài tập (Work Assignment): Rubric 3****Rubric 3: Bài tập (Work Assignment)**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao	Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	<b>20%</b>
Trình bày bài tập	Kém	Còn rất nhiều lỗi	Còn nhiều lỗi	Tương đối tốt	Rất tốt	<b>30%</b>
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	<b>50%</b>

**Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam):** Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

**Đánh giá thi vấn đáp (Oral Exam): Rubric 5.****Rubric 5: Thi vấn đáp (Oral Exam)**

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	20%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	80%

*Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021*

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Người biên soạn**

**Nguyễn Thị Kim Phụng**



**BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Tên học phần: KINH TẾ PHÁT TRIỂN (DEVELOPMENT ECONOMICS)

Mã học phần: KTKTPT.006

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Đối tượng đào tạo: Sinh viên Đại học ngành Kế toán

Hệ chính quy

**1. Thông tin hoạt động nghiệm thu:**

Thời gian nghiệm thu:                      phút ngày                      tháng                      năm 20

Địa điểm nghiệm thu: Văn phòng Khoa Kinh tế - Du lịch

Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng nghiệm thu:

- |                              |                       |
|------------------------------|-----------------------|
| 1. Th.S Phan Thị Thu Hà      | Chủ tịch Hội đồng     |
| 2. Th.S Nguyễn Thị Kim Phụng | Thư ký                |
| 3. TS. Trần Thị Thu Thủy     | Ủy viên – phản biện 1 |
| 4. TS. Bùi Khắc Hoài Phương  | Ủy viên – Phản biện 2 |
| 5. Th.S Lê Khắc Hoài Thanh   | Ủy viên - Thành viên  |

**2. Ý kiến của Hội đồng nghiệm thu:**

- Phản biện 1: TS. Trần Thị Thu Thủy đọc nhận xét (có văn bản kèm theo)
- Phản biện 2: TS. Bùi Khắc Hoài Phương đọc nhận xét (có văn bản kèm theo)
- Ý kiến thảo luận, bổ sung của thành viên Hội đồng: Học phần Kinh tế phát triển cần có những chỉnh sửa về tính cân đối về thời gian phân bố đối với các nội dung kiến thức.

**3. Kết luận của Hội đồng:**

**Về hình thức:**

- Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Câu chữ chính xác, không có lỗi chính tả.
- Phân bố thời gian hợp lý với dung lượng kiến thức, cân đối giữa lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng cần chỉnh sửa (trang 32, trang 7)

**Về nội dung:**

- Mục tiêu học phần đã bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Đại học Kế toán.
- Nội dung chương trình đảm bảo tính khoa học, chính xác, cơ bản, chú ý rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức, kỹ năng thực hành, liên hệ thực tế cho sinh viên. Có khả

năng đo lường, và thực hiện các hoạt động thu thập minh chứng cho việc đạt được mục tiêu học phần.

- Chương trình chi tiết đã mô tả kiến thức cơ bản, kỹ năng, giáo dục thái độ đáp ứng được yêu cầu đào tạo.

- Các tiêu chuẩn để đánh giá sinh viên đã thể hiện được mục tiêu trong từng tín chỉ và trong toàn bộ học phần, có khả năng phân loại được trình độ của sinh viên.

- Tuy nhiên cần xem xét thời lượng phân bố giữa các chương cho cân đối, đưa thêm bài tập với môn này trong từng chương.

**Kết luận:** Chương trình cần chỉnh sửa trước khi được nghiệm thu.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

*Quảng Bình, ngày      tháng      năm 201*

THƯ KÝ

**Phan Thị Thu Hà**

**Nguyễn Thị Kim Phụng**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

- Lê Khắc Hoài Thanh

- Trần Thị Thu Thủy

- Bùi Khắc Hoài Phương

**BẢN NHẬN XÉT ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Tên học phần:** KINH TẾ PHÁT TRIỂN (DEVELOPMENT ECONOMICS)

**MHP:** KTKTPT.006

**Số tín chỉ:** 03

**Đối tượng:** Sinh viên Đại học ngành Kế toán, hệ chính quy

**Nội dung nhận xét:**

**\* Về hình thức:**

Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Câu chữ chính xác, không có lỗi chính tả.

Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng cần chỉnh sửa (trang 3, trang 7)

**\* Về nội dung:**

- Mục tiêu học phần đã bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Đại học Kế toán.
- Nội dung chương trình đảm tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học. Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo
- Các tiêu chuẩn sử dụng để đánh giá sinh viên có thể hiện mức độ đạt được các mục tiêu trong từng học phần và phân loại được trình độ của sinh viên.
- Quy định các hình thức kiểm tra đã phù hợp
- Phân bố số tiết trong các chương hợp lý.

**Kết luận chung:** Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

Quảng Bình, ngày      tháng      năm 201  
NGƯỜI NHẬN XÉT

**Trần Thị Thu Thủy**

**BẢN NHẬN XÉT ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Tên học phần:** KINH TẾ PHÁT TRIỂN (DEVELOPMENT ECONOMICS)

**MHP:** KTKTPT.006

**Số tín chỉ: 03**

**Đối tượng:** Sinh viên Đại học ngành Kế toán, hệ chính quy

**Nội dung nhận xét:**

**\* Về hình thức:**

Chương trình có hình thức trình bày rõ ràng, dễ hiểu, đúng mẫu quy định. Phân bố thời gian hợp lý với dung lượng kiến thức, cân đối giữa lý thuyết, bài tập, thảo luận. Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng cần chỉnh sửa (trang 3,5)

**\* Về nội dung:**

- Mục tiêu học phần bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.
- Nội dung chương trình đảm tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học.
- Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo, tuy nhiên diễn đạt trong phần kỹ năng cần điều chỉnh lại cho trôi chảy.
- Chương trình chi tiết đã mô tả kiến thức cơ bản, kỹ năng, giáo dục thái độ đáp ứng được yêu cầu đào tạo.
- Các tiêu chuẩn để đánh giá sinh viên đã thể hiện được mục tiêu trong từng tín chỉ và trong toàn bộ học phần, có khả năng phân loại được trình độ của sinh viên.
- Tuy nhiên cần xem xét lại thời lượng phân bổ cho các chương sao cho phù hợp hơn.

**Kết luận chung:** Chương trình nên được chỉnh sửa trước, khi nghiệm thu.

*Quảng Bình, ngày tháng năm 201*

**NGƯỜI NHẬN XÉT**

**Bùi Khắc Hoài Phương**